

Số: /BC-UBND

Ba Tơ, ngày tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cấp nước an toàn nông thôn giai đoạn 2016 – 2021 và Kế hoạch giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn huyện Ba Tơ

Thực hiện Công văn số 1369/SNNPTNT-TTNS ngày 29/4/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn giai đoạn 2016 – 2021 và kế hoạch thực hiện giai đoạn 2022 - 2025. UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Kết quả thực hiện cấp nước an toàn nông thôn giai đoạn 2016 – 2021

- Tổng số dân/hộ nông thôn: 54.928 người/16.620 hộ.
- Tỷ lệ người/hộ nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng QCVN (*quy chuẩn áp dụng*) trong đó:
 - + Tỷ lệ người/ hộ nông thôn sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: 8.100 người/1.841 hộ, chiếm 11,08%.
 - + Tỷ lệ người/hộ nông thôn sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 48.004 người/12.001 hộ, chiếm 72,21%.
- Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch: 76,1%
- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch: 83,29%
- Tổng số người dân được cấp nước tăng thêm trong năm: 2.483 người.

1.1. Danh mục công trình cấp nước giai đoạn 2016 – 2021

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 44.473.234.000 đồng (*Bốn mươi bốn tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn đồng*)
- Số công trình cấp nước tập trung: 72 công trình (*Có phụ lục I kèm theo*).

1.2. Thuận lợi

Việc thực hiện đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt lồng ghép vào các chương trình, dự án có cùng mục tiêu về nước sạch trên địa bàn như chương trình xây dựng NTM, chương trình mục tiêu phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số về kế hoạch tín dụng ưu đãi cho hộ gia đình để thực hiện việc đầu tư cho nước sạch...

Nâng cao vai trò của hệ thống chính trị về việc cấp nước sinh hoạt tại vùng đồng bào miền núi, đặc biệt là phát huy vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và người có uy tín trong cộng đồng, từ đó nâng cao nhận thức của người dân

hưởng lợi trong việc thu hút nguồn lực đầu tư, góp kinh phí, tham gia quản lý sử dụng công trình.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc cấp nước an toàn và chất lượng nhằm phát hiện, đánh giá và có biện pháp ngăn ngừa, cải thiện kịp thời các nguy cơ rủi ro ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước sinh hoạt của người dân.

1.3. Bài học kinh nghiệm

Áp dụng mô hình Tổ quản lý, sử dụng, duy tu và khai thác sử dụng các công trình cấp nước sinh hoạt tự chảy tập trung hiện có của từng xã, thị trấn tránh được lượng nước chảy tự do và thường xuyên, gây lãng phí ở các bệ vòi, bể chứa và khu xử lý.

Xây dựng các mô hình, tấm gương về quản lý hiệu quả và sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải sử dụng, bảo vệ tiết kiệm nguồn nước. Tổ chức tuyên dương các cá nhân, hộ gia đình... có sáng kiến tiết kiệm nước sinh hoạt, bảo vệ công trình nước sinh.

Nâng cao chất lượng giám sát, tự quản của cộng đồng dân cư đối với công tác quản lý và sử dụng công trình nước, tài nguyên nước để người dân biết kịp thời phản ánh các hiện tượng gây ô nhiễm, thất thoát và lãng phí tài nguyên nước tới các cơ quan các cấp có thẩm quyền và có giải pháp ứng phó giải quyết kịp thời.

1.4. Khó khăn thách thức

Việc quản lý bảo vệ gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu tư cao, hoạt động đóng góp tiền sử dụng nước để duy tu sửa chữa nhỏ, trả thù lao cho người quản lý vận hành. Đa số các công trình dẫn nước bằng ống từ bể đầu nguồn về đến bể chứa tập trung tại các cụm dân cư rồi bằng nhiều hình thức đưa về tận hộ gia đình sử dụng.

Phần lớn các công trình cấp nước tập trung ở địa bàn miền núi được xây dựng từ khá lâu, quy mô nhỏ, phân tán, công tác quản lý vận hành chưa đáp ứng duy trì hoạt động hiệu quả của công trình cấp nước.

Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt, ảnh hưởng xấu đến nguồn nước, chất lượng nước và các công trình cấp nước. Đến nay do trữ lượng và chất lượng nguồn nước bị ảnh hưởng của thiên tai, chất thải sinh hoạt, hóa chất nông nghiệp, nạn phá rừng, khai thác khoáng sản... nên một số công trình thiếu nước về mùa khô, chất lượng nước ngày càng kém nên tình trạng người dân thiếu nước sinh hoạt luôn xảy ra.

1.5. Kiến nghị

Cần hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh để tiếp tục khắc phục sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sinh hoạt hiện tại không hoạt động, hoặc hoạt động kém hiệu quả nhằm phát huy hiệu quả phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân.

Vì hiện nay ngân sách của huyện là không đảm bảo để cân đối, cũng như việc thu phí sử dụng nước từ cộng đồng dân cư ở những vùng được hưởng lợi là rất khó khăn, không thực hiện được do không có nguồn vốn đầu tư.

II. Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2022 – 2025

1. Kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn giai đoạn 2022 -2025.

Thường xuyên kiểm tra các công trình nước tự chảy, giếng nước sinh hoạt để có giải pháp cụ thể cho từng khu vực, vận động nhân dân trong vùng hưởng lợi từ các công trình cấp nước tập trung nông thôn tham gia nạo vét, sửa chữa đường ống, cụm đầu mối, bể lọc nước và nạo vét các giếng đào, giữ vệ sinh khu vực giếng để đảm bảo nguồn nước phục vụ sinh hoạt.

Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách để hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng công trình hiện có, tiếp tục huy động tổng lực các nguồn vốn để đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt, nhất là huy động nội lực trong nhân dân và nguồn vốn tín dụng, kết hợp mở rộng mạng lưới đường ống của công trình cấp nước để đầu nối vào công trình cấp nước nông thôn liền kề.

2. Dự kiến danh mục công trình phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn giai đoạn 2022-2025.

- Tổng nguồn kinh phí cần thực hiện duy tu, sửa chữa : 17.887.892.000 đồng (*Mười bảy tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu tám trăm chín mươi hai ngàn đồng*).

- Số công trình cấp nước tập trung cần thực hiện duy tu, sửa chữa: 35 công trình (*Có phụ lục II kèm theo*).

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cấp nước an toàn nông thôn giai đoạn 2016 – 2021 và Kế hoạch giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện Ba Tư kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- TTNS và VSMT tỉnh;
- CT, PCT (KT) UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT;
- Văn phòng huyện;
- Lưu: VT.

file.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Giang Nam